TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **157**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 08 – 12 – 2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị PHng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và ông Nguyễn Văn Vy.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thanh Huế – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 220/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Võ Thị D**, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 10, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: **Anh Huỳnh Ngọc Phi L**, sinh năm 1987; Tổ dân phố X, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022; Lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị D và anh Huỳnh Ngọc Phi L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh L, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không có trách nhiệm với vợ con và không tôn trọng chị D cũng như gia đình chị D khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị D đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống hơn 01 năm nay. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc Phi L để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị D khai chị và anh Huỳnh Ngọc Phi L có 01 con chung tên là Huỳnh Ngọc Minh K, sinh ngày 16/8/2020. Hiện nay, cháu K đang sống với chị D. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi trưởng thành. Chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai chị và anh Huỳnh Ngọc Phi L không có tài sản chung, không nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Huỳnh Ngọc Phi L thường xuyên vắng nhà nên Tòa án không tiến hành tống đạt được mà đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng trong thời hạn theo luật định, anh L không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của người làm chứng và xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Chị Võ Thị D và anh Huỳnh Ngọc Phi L sau khi kết hôn thì sống với nhau một thời gian ngắn. Tuy nhiên, hơn 01 năm nay vợ chồng không còn sống chung và chị D đã về nhà cha mẹ đẻ sống. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh L và yêu cầu được nuôi con thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều từ 93 đến 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:

+ Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Đối với bị đơn, vắng mặt tất cả các phiên hòa giải là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị D được ly hôn với anh Huỳnh Ngọc Phi L. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Minh K, sinh ngày 16/8/2020 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Do chị D không yêu cầu về cấp dưỡng nên anh Huỳnh Ngọc Phi L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai chị và anh Huỳnh Ngọc Phi L không có tài sản chung, không có nợ của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Ngọc Phi L có hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố Huế và tranh chấp về nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Huỳnh Ngọc Phi L đến phiên tòa như Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị D và anh Huỳnh Ngọc Phi L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/6/2020. Quá trình sống chung thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân nên chị D xin ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L đến để hòa giải quan hệ hôn nhân giữa anh và chị D nhưng anh L vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, qua hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, anh L vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày về việc chị D xin ly hôn với anh, thể hiện anh không thiết tha gì đối với hôn nhân của mình mà đã bỏ mặc.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng và tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh L. Tất cả kết quả đều cho thấy mối quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh L đã đến mức độ trầm trọng do vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau nên vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Do đó, cần chấp nhận cho chị D được ly hôn anh L là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị D và anh Huỳnh Ngọc Phi L có 01 con chung tên là Huỳnh Ngọc Minh K, sinh ngày 16/8/2020. Hiện nay cháu K đang ở với chị D. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc,

nuôi dưỡng cháu K đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu K hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, chị D đang có công việc và thu nhập ổn định nên chị D có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Do đó, cần giao cháu K cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai chị và anh Huỳnh Ngọc Phi L không có tài sản chung, không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị D được ly hôn anh Huỳnh Ngọc Phi L.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị D và anh Huỳnh Ngọc Phi L có 01 con chung tên là Huỳnh Ngọc Minh K, sinh ngày 16/8/2020. Hiện nay cháu K đang ở với chị D.

Giao cháu Huỳnh Ngọc Minh K cho chị Võ Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Huỳnh Ngọc Phi L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc chị Võ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2013/0005969 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị PHng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường TP, TX HT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị PHng